

COPAかしわ溶岩焼き ビギビギビギナークラス 7月20日(日)

【出場チーム】

Aグループ

Bグループ

TNKJ
Candama-RA
Neo STAR GATE
CRATCH FC

AKC
FC goldita
Durazno KC
Peace

【予選リーグ・決勝トーナメント】7分-1分-7分 【交流戦】10分 1本

グループ	コート	時間	対戦カード	第2審判
Aグループ	Aコート	第1試合 13:15	TNKJ 7 vs 0 Candama-RA	CRATCH FC
		第2試合 13:40	Neo STAR GATE 0 vs 2 CRATCH FC	TNKJ
		第3試合 14:05	TNKJ 1 vs 3 Neo STAR GATE	CRATCH FC
		第4試合 14:30	Candama-RA 2 vs 0 CRATCH FC	Neo STAR GATE
		第5試合 14:55	TNKJ 1 vs 2 CRATCH FC	Candama-RA
		第6試合 15:20	Candama-RA 0 vs 2 Neo STAR GATE	TNKJ
Bグループ	Bコート	第1試合 13:15	AKC 2 vs 0 FC goldita	Peace
		第2試合 13:40	Durazno KC 0 vs 2 Peace	AKC
		第3試合 14:05	AKC 2 vs 1 Durazno KC	Peace
		第4試合 14:30	FC goldita 0 vs 0 Peace	Durazno KC
		第5試合 14:55	AKC 0 vs 1 Peace	FC goldita
		第6試合 15:20	FC goldita 1 vs 1 Durazno KC	AKC
交流戦	Aコート	交流戦① 15:40	CRATCH FC 0 vs 2 Durazno FC	Aグループ2位
	Bコート	交流戦②	FC goldita 1 vs 0 Candama-RA	Bグループ2位
決勝トーナメント	Aコート	準決勝① 16:00	Neo STAR GATE 1 vs 2 AKC	Aグループ4位
	Bコート	準決勝②	Peace 1 vs 0 TNKJ	Bグループ4位
	Bコート	決勝 16:25	AKC 0 vs 0 Peace	

2 PK 3

Aグループ

	TNKJ	Candama-RA	Neo STAR GATE	CRATCH FC	勝点	得点	失点	得失点差	順位
TNKJ	○	×	△		4	10	5	5	2
Candama-RA	×	○	○		3	2	9	-7	4
Neo STAR GATE	○	○	○	×	6	5	3	2	1
CRATCH FC	△	×	○	○	4	4	4	0	3

Bグループ

	AKC	FC goldita	Durazno KC	Peace	勝点	得点	失点	得失点差	順位
AKC	○	○	×		6	4	1	3	2
FC goldita	×	○	△	△	2	1	3	-2	3
Durazno KC	×	△	○	×	1	2	5	-3	4
Peace	○	△	○	○	7	3	0	3	1

決勝トーナメント

